

Bản án số: 10/2024/DS-PT

Ngày: 02-4-2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Quang Tuấn

Ông Đinh Trường Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 02/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất; do có kháng cáo của bị đơn đối với bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐ-PT ngày 04/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐ-PT ngày 15/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đồng Chôm, xã Thanh Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn B, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn Đồng Chôm, xã Thanh Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Bạch Thị Th, sinh năm 1987; bà Quách Thị T, sinh năm 1965 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1957, cùng trú tại: Thôn Đồng Chôm, xã Thanh Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

+ Bà Bùi Thị Th, địa chỉ: thôn Trung Báo, xã Thanh Cao, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

*Nguyên đơn ông Bùi Văn T trình bày:* Năm 1997 gia đình anh được Nhà nước chia cho 4.369m<sup>2</sup> đất sản xuất nông nghiệp tại thôn ĐR, xã HTh, huyện KB, tỉnh HB (nay là thôn ĐCh, ThS, huyện LS, tỉnh HB); trong đó có thửa số 38<sup>1</sup> diện tích 687m<sup>2</sup> và thửa 80<sup>1</sup> diện tích 335m<sup>2</sup>, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 29.QSDD do Ủy ban nhân dân huyện KB cấp mang tên Bùi Văn S. Đến năm 2000 bố mẹ anh (ông S, bà T) cho chú Bùi Văn B mượn thửa số 38<sup>1</sup> và thửa 80<sup>1</sup> để canh tác sử dụng. Năm 2010 ông S chết, các thành viên của gia đình anh đã giao cho anh hưởng thừa kế toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của ông S. Năm 2010 - 2012 thực hiện về kê khai để đo đạc địa chính chính quy, anh đã đi kê khai quyền sử dụng đất. Đến ngày 31/12/2015 anh đã được Ủy ban nhân dân huyện LS, tỉnh HB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Bùi Văn T và Bạch Thị Th trong đó có hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai thửa 38<sup>1</sup> và thửa 80<sup>1</sup> và có sự biến động về số lô, số thửa (thửa 38<sup>1</sup> từ bản đồ 01 diện tích 678m<sup>2</sup> thành thửa số 56 từ bản đồ 27 diện tích tăng lên bằng 732,7m<sup>2</sup> và thửa 80<sup>1</sup> từ bản đồ 01 diện tích 335m<sup>2</sup> thành thửa số 199 từ bản đồ 35 diện tích tăng lên 370,7m<sup>2</sup>). Lúc này ông Bùi Văn B vẫn đang sử dụng hai thửa đất trên.

Đến năm 2016 ông Bùi Văn B đến mượn 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục (nộp sản phẩm cho hợp tác) thuê nông nghiệp nên anh đã cho ông Bình mượn 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Năm 2022 do có nhu cầu sử dụng hai thửa đất, anh đã yêu cầu ông Bình trả lại nhưng ông Bình không trả. Nay anh khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn B phải trả lại cho anh 02 thửa đất nông nghiệp và 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Văn T và Bạch Thị Th.

Quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Thị T và chị Bạch Thị Th có cùng quan điểm như trình bày của anh Bùi Văn T: Yêu cầu ông B phải trả lại hai thửa đất số 38<sup>1</sup> và 80<sup>1</sup> cùng hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Bị đơn ông Bùi Văn B trình bày:*

Nguồn gốc hai thửa đất số 38<sup>1</sup> và thửa số 80<sup>1</sup> này là của bà Bùi Thị Th được Nhà nước giao cho canh tác, sản xuất. Năm 1997 hai thửa đất được ghi nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Bùi Văn S. Theo quy định tại thời điểm giao đất, mỗi nhân khẩu được giao 550m<sup>2</sup> đất nông nghiệp, hộ gia đình ông Sinh được cấp 4.396m<sup>2</sup> đất sẽ gồm có 08 nhân khẩu là: cụ Bùi Văn Đ, ông Bùi Văn S, bà Bùi Thị T, con Bùi Thị L, Bùi Văn S, Bùi Văn T, bà Bùi Thị Th và con Nguyễn Tiến S. Do bà Th không canh tác được nên đã cho ông S sử dụng. Năm 1999 ông Sinh không canh tác được nên đã trả lại cho bà Th, bà Th

lại giao lại cho em trai Bùi Văn L canh tác 01 năm, đến năm 2000 bà Th lấy lại hai thửa đất và giao lại cho ông B canh tác. Năm 2002 ông S và bà Th làm văn bản thỏa thuận tách thửa đất 38<sup>1</sup> và 80<sup>1</sup> từ sổ ông S tách trả bà Th. Văn bản thỏa thuận có trưởng xóm chứng nhận và được lập thành 02 bản, một bản giao cho bà Th một bản giao cho ông S kẹp vào cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Bùi Văn S. Lúc này ông S vẫn giữ Giấy chứng nhận không làm thủ tục chia tách cho bà Th. Bà Th đã giao cho ông văn bản thỏa thuận tách đất này và gia đình ông tiếp tục canh tác, đến năm 2004 được trưởng xóm mời lên cho biết bà Thanh đã giao lại đất cho Ban quản lý hợp tác xã, do ông có nhu cầu canh tác tiếp nên Ban quản lý vẫn để cho ông canh tác và nộp thuế sản phẩm từ năm 2004 đến nay. Năm 2016 ông biết Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 thửa đất trên cho cháu Bùi Văn T và Bạch Thị Th và đã giao Giấy chứng nhận cho vợ chồng T, Th. Ông B thấy việc cấp Giấy chứng nhận là tên anh Nguyễn Văn B là cháu mình ông nghĩ là con cháu trong nhà nên không khiếu nại gì. Sau đó ông đã gặp và xin lại 02 giấy chứng nhận thì anh T, chị Th cũng giao lại cho ông nên ông quản lý 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ đó đến nay. Do đó ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

Bà Bùi Thị T là vợ ông B có cùng quan điểm với ông B. Anh T khởi kiện đòi lại hai thửa đất số 38<sup>1</sup> và 80<sup>1</sup> bà không đồng ý trả vì đây là đất của gia đình bà đã canh tác và nộp thuế sản phẩm từ năm 2000 đến nay.

*Tại bản tự khai của bà Bùi Thị Th trình bày:* Nguồn gốc hai thửa đất 38<sup>1</sup> và 80<sup>1</sup> là Nhà nước giao cho bà sử dụng từ năm 1972, bà canh tác đến năm 1994 thì cho em trai là Bùi Văn S mượn cấy lúa. Khi Nhà nước cấp Giấy chứng nhận QSD đất thì bà có nói với ông Sinh cứ nhận 02 thửa đất trên để tiếp tục canh tác và xin cấp Giấy chứng nhận. Theo quy định mỗi nhân khẩu được Nhà nước giao cho 500m<sup>2</sup> đất nông nghiệp. Lúc này nhà bà có hai nhân khẩu là bà và anh Sỹ được giao 02 suất là thửa 38<sup>1</sup> = 687m<sup>2</sup> và 80<sup>1</sup> = 335m<sup>2</sup> tổng là 1.022m<sup>2</sup>, gia đình ông Sinh có 06 nhân khẩu được giao 3.347m<sup>2</sup> (gồm các thửa 35<sup>1</sup> = 546m<sup>2</sup>, thửa 42<sup>1</sup> = 1.501m<sup>2</sup>, thửa 07<sup>4</sup> = 935m<sup>2</sup>, thửa 59<sup>1</sup> = 365m<sup>2</sup>). Vì là chị em trong gia đình nên bà để ông S đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cả hai thửa đất 38<sup>1</sup> và 80<sup>1</sup>. Năm 2000 thấy gia đình ông S không có người canh tác nên bà đã giao hai thửa đất này cho em trai Bùi Văn B sử dụng. Đến năm 2002 để việc sử dụng đất được rõ ràng, bà có yêu cầu ông Sinh lập biên bản tách đất. Ông Sinh đã ký biên bản tách đất đồng ý tách hai thửa đất 38<sup>1</sup> và 80<sup>1</sup> cho bà Th. Biên bản thỏa thuận có chữ ký của bà Th, ông S và người làm chứng là trưởng thôn Nguyễn Hồng S. Do chuyển đi nơi khác sinh sống nên ngày 10/8/2004 bà Th đã bàn giao hai thửa đất 38<sup>1</sup> và 80<sup>1</sup> cho thôn ĐR, khi giao có lập Biên bản bên tiếp nhận. Như vậy từ thời điểm tháng 8/2004 bà không có quyền lợi và nghĩa vụ

đối với hai thửa đất trên. Do ông B đã canh tác và nộp thuế từ năm 2000 đến nay nên đây là đất của ông B.

*Ủy ban nhân dân xã Thanh S cung cấp thông tin (biên bản xác minh ngày 06/7/2021):*

Năm 2009- 2010 xã HT, huyện KB sáp nhập về huyện LS, năm 2019 sáp nhập xã HT và xã LS thành xã THS như hiện nay. Toàn bộ tài liệu đất đai của xã HT- KB được giao cho UBND xã TS. Tra cứu sổ mục kê đất nông nghiệp, quyển số 01 của xã Hợp Th thì hộ gia đình ông Bùi Văn S sử dụng các thửa đất nông nghiệp trong đó có 02 thửa số 38<sup>1</sup> (thửa 56) và thửa 80<sup>1</sup> (thửa 199) đất nông nghiệp này được chia cho hộ gia đình ông Bùi Văn S. Kiểm tra Sổ mục kê đất nông nghiệp, tại quyển số 01 xã HT thì ông Bùi Văn S là chủ sử dụng 02 thửa đất thửa số 38<sup>1</sup> tờ bản đồ 01 diện tích 678m<sup>2</sup> và thửa 80<sup>1</sup> tờ bản đồ 01 diện tích 335m<sup>2</sup>. Thực hiện Quyết định số 1101/2010/UBND ngày 20/7/2010 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc đo đạc địa chính quy trong đó có xã HT.

Năm 2011- 2012, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình tiến hành đo đạc địa chính quy, hai thửa đất này được đo đạc chính quy năm 2011-2012, kết quả đối với đất nông nghiệp của ông Bùi Văn Sinh có sự biến động về diện tích, thay đổi số lô số thửa và số tờ bản đồ, trong đó: thửa 38<sup>1</sup> tờ bản đồ 01 diện tích 678m<sup>2</sup> thành thửa số 56 tờ bản đồ 27 diện tích tăng lên bằng 732,7m<sup>2</sup> và thửa 80<sup>1</sup> tờ bản đồ 01 diện tích 335m<sup>2</sup> thành thửa số 199 tờ bản đồ 35 diện tích tăng lên 370,7m<sup>2</sup>. Đến tháng 09 năm 2010 ông Bùi Văn Sinh chết, anh Bùi Văn T là con trai ông Sinh được nhận thừa kế 02 thửa đất trên và ngày 31/12/2015 được UBND huyện Lương Sơn cấp Giấy chứng nhận 02 thửa đất trên cho anh Bùi Văn T và bà Bạch Thị Th. Thực tế canh tác 02 thửa đất số 56, số 199 là ông Bùi Văn B và bà Quách Thị T (em trai và em dâu ông Bùi Văn S).

*Tại biên bản xác minh nguyên trạng thôn thời kỳ từ năm 1990 đến năm 2000 cho biết:* Nguồn gốc hai thửa đất 38<sup>1</sup> và 80<sup>1</sup> là của gia đình ông Bùi Văn S quản lý, sử dụng. Gia đình tự phân chia nhau canh tác, thôn xóm chỉ quản lý thực hiện các nghĩa vụ về thuế sản phẩm.

*Tại biên bản xác minh nguyên trạng thôn thời kỳ từ năm 2000 đến năm 2010 cho biết:* nguồn gốc hai thửa đất 38<sup>1</sup> và 80<sup>1</sup> là HTX giao cho bà Bùi Thị Th sử dụng từ thời kỳ giao khoán đất 299. Năm 1997 Nhà nước cấp Giấy chứng nhận QSD đất lần đầu chung với Giấy chứng nhận hộ ông Bùi Văn S. Năm 2004 bà Th không có nhu cầu sử dụng đất và chuyển đi nơi khác nên đã trả lại cho thôn. Thôn Đồng Rẽ đã thông báo cho nhân dân biết ai có nhu cầu sử dụng thì thuê lại. Lúc này ông B là em bà Th vẫn đang mượn hai thửa đất của bà Th và có nhu cầu sử dụng tiếp. Bà Th và thôn đã lập Biên bản bản về việc bà Th bàn giao

hai thửa đất. Do thôn không có thẩm quyền giao đất nên hai thửa đất chưa được giao cho cá nhân nào và vẫn nằm trong giấy chứng nhận Bùi Văn S.

*Tại biên bản xác minh nguyên trạng thôn thời kỳ từ năm 2010 đến năm 2015 cho biết:* Nguồn gốc hai thửa đất 38<sup>1</sup> và 80<sup>1</sup> là Nhà nước giao cho gia đình ông Bùi Văn S sử dụng đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất năm 1997. Quá trình sử dụng đất, ông Sinh đã cho em trai Bùi Văn B mượn sử dụng và ông B là người trực tiếp nộp thuế. Năm 2011-2013 Nhà nước đo đạc địa chính chính quy toàn bộ đất tại thôn Đồng Rẽ trong đó có hai thửa đất trên. Hộ gia đình ông Sinh đã kê khai như nào không rõ nhưng đến năm 2015 đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho con trai ông Sinh là Bùi Văn T và vợ Bạch Thị Th.

Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh HB đã quyết định:

Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 166 và điều 499 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T.

Buộc ông Bùi Văn B phải trả lại cho anh Bùi Văn T 1.103,4m<sup>2</sup> đất nông nghiệp gồm:

- Thửa số 56 tờ bản đồ 27 diện tích 732,7m<sup>2</sup> tại Đồng Chôm, Thanh Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình, phía Đông một phần giáp thửa đất nhà ông Sâm một phần giáp Suối Chôm; phía Tây giáp thửa đất nhà ông Đông; phía Nam giáp thửa đất nhà bà Tư; phía Bắc giáp Suối Chôm.

- Thửa số 199 tờ bản đồ 35 diện tích 370,7m<sup>2</sup> tại Đồng Chôm, Thanh Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình, phía Đông giáp thửa đất ông Hòa; phía Tây giáp thửa đất nhà ông Đông; phía Nam giáp thửa đất nhà ông Duy; phía Bắc một phần giáp thửa đất nhà ông Lại, một phần giáp đất nhà bà Nga.

Buộc ông Bùi Văn B phải trả lại cho anh Bùi Văn T, chị Bạch Thị Th02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 028110 vào sổ cấp GCN CH05713 do UBND huyện Lương Sơn cấp ngày 31/12/2015 mang tên ông Bùi Văn T và bà Bạch Thị TH

- Giấy chứng nhận QSD đất số CD 028104 vào sổ cấp GCN CH057078 do UBND huyện Lương Sơn cấp ngày 31/12/2015 mang tên ông Bùi Văn T và bà Bạch Thị Th

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/11/2023 bị đơn ông Bùi Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị tòa cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Bùi Văn B giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ông Bùi Văn T giữ nguyên nội dung khởi kiện. Nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác xem xét tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu về quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Thư ký tòa án và các thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm. Người tham gia tố tụng, các đương sự đều đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Anh Bùi Văn T khởi kiện đòi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà ông Bùi Văn B đang sử dụng tại thôn Đồng Rẽ, xã Thanh Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

#### **[2] Về nội dung kháng cáo:**

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Bùi Văn B trình bày:

Nguồn gốc hai thửa đất số 38<sup>1</sup> và thửa số 80<sup>1</sup> là của bà Bùi Thị Th được nhà nước giao canh tác, sản xuất. Do bà Th không canh tác được nên đã cho ông Sinh sử dụng. Năm 1999 ông Sinh không canh tác được nên đã trả lại cho bà Th, đến năm 2000 bà Th lấy lại hai thửa đất và giao lại cho ông B canh tác. Năm 2002 ông S và bà Th làm văn bản thỏa thuận tách thửa đất 38<sup>1</sup> và 80<sup>1</sup> từ sổ ông Sinh tách trả bà Thanh. Bà Th đã giao cho ông văn bản thỏa thuận tách đất này và gia đình ông tiếp tục canh tác, đến năm 2004 được trưởng xóm mời lên cho biết bà Th đã giao lại đất cho Ban quản lý hợp tác xã, do ông có nhu cầu canh tác tiếp nên Ban quản lý vẫn để cho ông canh tác và nộp thuế sản phẩm từ năm 2004 đến nay. Bị đơn khẳng định không mượn đất của gia đình ông S cũng như anh Toàn. Đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

### **[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn B.**

Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc đất: Theo sổ mục kê đất nông nghiệp, quyền số 01 của xã H Th thì hộ gia đình ông Bùi Văn S sử dụng 06 thửa đất nông nghiệp trong đó có 02 thửa số 38<sup>1</sup> tờ bản đồ 01 diện tích 678m<sup>2</sup> và thửa 80<sup>1</sup> tờ bản đồ 01 diện tích 335m<sup>2</sup> và đã được cấp giấy chứng nhận số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 29.QSDD do Ủy ban nhân dân huyện K B cấp mang tên Bùi Văn S.

Từ năm 2011- 2012, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình tiến hành đo đạc địa chính chính quy; kết quả đối với đất nông nghiệp của ông Bùi Văn S có sự biến động về diện tích, thay đổi số lô số thửa và số tờ bản đồ, trong đó: thửa 38<sup>1</sup> tờ bản đồ 01 diện tích 678m<sup>2</sup> thành thửa số 56 tờ bản đồ 27 diện tích tăng lên bằng 732,7m<sup>2</sup> và thửa 80<sup>1</sup> tờ bản đồ 01 diện tích 335m<sup>2</sup> thành thửa số 199 tờ bản đồ 35 diện tích tăng lên 370,7m<sup>2</sup>. Đến tháng 09 năm 2010 ông Bùi Văn S chết, anh Bùi Văn T là con trai ông S được nhận thừa kế toàn bộ di sản. Ngày 31/12/2015 Ủy ban nhân dân huyện Lương Sơn đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất trên cho anh Bùi Văn T và chị Bạch Thị Th.

Như vậy căn cứ vào sổ mục kê đất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân xã Hợp Thanh, các biên bản xác minh của trưởng thôn các thời kỳ, lời khai của nguyên đơn, cũng như các tài liệu có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 028110 vào sổ cấp GCN CH05713 đối với thửa đất 56 tờ bản đồ 27 diện tích 732,7m<sup>2</sup> và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 028104 vào sổ cấp GCN CH057078 đối với thửa số 199 tờ bản đồ 35 diện tích 370,7m<sup>2</sup> mang tên anh Bùi Văn T và chị Bạch Thị Th, được UBND huyện Lương Sơn cấp trên cơ sở xác định anh Bùi Văn T và chị Bạch Thị Th được nhận toàn bộ di sản của ông Bùi Văn S trong đó có toàn bộ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 29/QSĐĐ ngày 16/10/1997 mang tên ông Bùi Văn S. Hội đồng xét xử nhận thấy việc cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 29/QSĐĐ ngày 16/10/1997 cho ông Bùi Văn S và hai giấy chứng nhận CD 028110 và số CD 028104 ngày 31/12/2015 cho anh Bùi Văn T và chị Bạch Thị Th, các đương sự liên quan (ông B, bà Th, bà T) đều được biết, đến nay cũng không có ý kiến khiếu nại gì, đồng thời trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung của 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đều được thực hiện đúng theo qui định. Do đó việc ông Bình giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Toàn, chị Thơm là không đúng quy định pháp luật, cản trở việc thực hiện quyền của người sử dụng đất.

Đối với việc ông Bùi Văn B, bà Tính và bà Bùi Thị Th cho rằng hai thửa đất này là của bà Thanh được giao canh tác từ năm 1972, năm 1994 cho ông Sinh mượn, năm 1997 cho ông Sinh đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2000 bà Th lấy lại hai thửa đất và giao lại cho ông Bình canh tác. Năm 2002 ông Sinh và bà Th làm văn bản thỏa thuận tách thửa đất 38<sup>1</sup> và 80<sup>1</sup> từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Sinh trả bà Th. Tuy nhiên biên bản tách đất ngày 18/4/2002 không có xác nhận của cơ quan quản lý đất tại địa phương là Ủy ban nhân dân xã HTh, không có chữ ký của các thành viên hộ gia đình ông S; mặt khác tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn Scũng không cập nhật nội dung thay đổi này, nên không có cơ sở xác định năm 2002 hộ gia đình ông Sinh đã chia tách hai thửa đất trên cho bà Th. Do đó Văn bản ngày 10/8/2004 về việc bàn giao hai thửa đất 38<sup>1</sup> và 80<sup>1</sup> giữa bà Th với thôn Đồng Rẽ là không có giá trị pháp lý vì hai thửa đất này không thuộc quyền sử dụng của bà Th, bà Th không có quyền định đoạt, giao trả lại cho Nhà nước, đại diện thôn cũng không có thẩm quyền nhận đất, nên không có cơ sở xem xét. Tại cấp phúc thẩm bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào mới chứng minh cho nội dung kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn đối với Bản án sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, cần giữ nguyên án sơ thẩm.

Ông Bùi Văn B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**



Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Cụ thể:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 166 và điều 499 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T.

2. Buộc ông Bùi Văn B phải trả lại cho anh Bùi Văn T 1.103,4m<sup>2</sup> đất nông nghiệp gồm:

- Thửa số 56 tờ bản đồ 27 diện tích 732,7m<sup>2</sup> tại Đồng Chòm, Thanh Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình, phía Đông một phần giáp thửa đất nhà ông Sâm một phần giáp Suối Chòm; phía Tây giáp thửa đất nhà ông Đông; phía Nam giáp thửa đất nhà bà T; phía Bắc giáp Suối Chòm.

- Thửa số 199 tờ bản đồ 35 diện tích 370,7m<sup>2</sup> tại Đồng Chòm, Thanh Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình, phía Đông giáp thửa đất ông Hòa; phía Tây giáp thửa đất nhà ông Đông; phía Nam giáp thửa đất nhà ông Duy; phía Bắc một phần giáp thửa đất nhà ông Lại, một phần giáp đất nhà bà N.

3. Buộc ông Bùi Văn B phải trả lại cho anh Bùi Văn T, chị Bạch Thị Thom 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 028110 vào sổ cấp GCN CH05713 do UBND huyện Lương Sơn cấp ngày 31/12/2015 mang tên ông Bùi Văn T và bà Bạch Thị Th.

+ Giấy chứng nhận QSD đất số CD 028104 vào sổ cấp GCN CH057078 do UBND huyện Lương Sơn cấp ngày 31/12/2015 mang tên ông Bùi Văn T và bà Bạch Thị Th.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Bùi Văn B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 02/4/2024.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- TAND h.Lương Sơn;
- Chi cục THADS h.Lương Sơn;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Thanh Tùng**